

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Gói thầu: Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025

Tên bên mời chào giá: **Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 222.5899;

Fax: 0251 222.5897;

Mã số thuế: 3600897316.

Đề nghị Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung sau:

1. Tên gói thầu: **Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025.**
 - Giá gói thầu (đã bao gồm thuế VAT): **206.388.000 VND** (Bằng chữ: Hai trăm linh sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).
 - Nội dung chính của gói thầu: Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025.
 - Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
2. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá cạnh tranh
4. Thời gian phát hành Bản yêu cầu báo giá: Từ lúc phát hành thành công Yêu cầu báo giá lên Website Công ty <http://www.pvpnt2.vn> đến trước 14h00, ngày 01/08/2025.
5. Phát hành Bản yêu cầu báo giá trên Website Công ty <http://www.pvpnt2.vn> (chi tiết như đính kèm) .
6. Thời điểm kết thúc nhận báo giá: 14 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 08 năm 2025.

Nhơn Trạch, ngày 24 tháng 07 năm 2025

Đại diện bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quyền

Số: 427/QĐ-CPNT2

Đại Phước, ngày 23 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá
Gói thầu: Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-CPNT2 ngày 16/07/2025 của HĐQT Công ty về việc Phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 04/06/2025 của HĐQT Công ty về phê duyệt chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Đề xuất số 458/ĐX-CPNT2 ngày 02/06/2025 của các Phòng chức năng về phạm vi công việc Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-CPNT2 ngày 21/07/2025 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 529/TTr-CPNT2 ngày 22/07/2025 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025.

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 529/TTr-CPNT2 ngày 22/07/2025 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025 với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các Phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.ATSKMT.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025.

 **GIÁM ĐỐC**




Ngô Đức Nhân

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025

Phát hành ngày: 23/7/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 437/QĐ-EPNT2.

Bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quyền

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu “Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025”.
3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp và đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG;

Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thời hạn hiệu lực của YCBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Năng lực kinh nghiệm của nhà thầu

Để chứng minh năng lực kinh nghiệm trong việc thực hiện hợp đồng Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025, nhà thầu phải nộp kèm theo bản yêu cầu báo giá:

1. Bản sao Công văn/Thông báo công nhận cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động của cơ quan có thẩm quyền theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 (Sở Y tế, Bộ Y tế);
2. Bản sao bằng cấp của ít nhất 3 nhân sự tham gia thực hiện gói thầu có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực y tế/ môi trường/ hóa sinh và bản sao chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao động của các nhân sự này.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Căn cứ vào tính chất của gói thầu, Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Thời gian, địa điểm thực hiện	Theo đúng yêu cầu tại Mục I, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu	Theo đúng yêu cầu tại Mục I, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu
2	Nội dung công việc thực hiện	Theo đúng yêu cầu tại Bảng số 1. Phạm vi công việc, Mục II, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu	Không đúng yêu cầu tại Bảng số 1. Phạm vi công việc, Mục II, Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu
II. Cam kết			
1	Nhà thầu cam kết huy động đầy đủ các máy móc trang thiết bị, công cụ dụng cụ đã được hiệu chỉnh, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG	Có cam kết đúng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu

BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có)3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: Yêu cầu báo giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện bảng giá chào đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị

đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các bảng giá chào khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong bảng giá chào của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu này; trường hợp bảng giá chào của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a và 3a1 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi

phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu 03a và Mẫu 03a(1) Chương III;
3. Bản sao các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ và năng lực kinh nghiệm của nhà thầu quy định tại Mục 3 Chương I.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm kết thúc nhận báo giá.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 02512225899; Fax: 02512225897 không muộn hơn **14 giờ 00 phút ngày 01/08/2025**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang web Công ty.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % (ba phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc được giao, được Bên A ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 92 của Luật đấu thầu 2023 và Điều 7 của Nghị định 23/2024/NĐ-CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng
- Địa điểm thực hiện lấy mẫu, đo đạc: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Địa điểm thực hiện phân tích mẫu, lập báo cáo: Văn phòng làm việc của Nhà thầu.

II. Phạm vi công việc thực hiện

1. Khảo sát, đo đạc

1.1 Phạm vi khảo sát, đo đạc, lấy mẫu phân tích:

- a. Khảo sát, thu thập lấy mẫu, đo đạc các chỉ tiêu tại các khu vực người lao động làm việc tại Công ty, bao gồm:
 - + Yếu tố vi khí hậu;
 - + Yếu tố vật lý;
 - + Yếu tố bụi, hơi khí độc và yếu tố khác;
 - + Yếu tố tâm sinh lý lao động và Ec-gô-nô-my.
- b. Đánh giá hiện trạng môi trường làm việc, điều kiện vệ sinh lao động của người lao động thông qua các kết quả từ việc khảo sát, đo đạc, lấy mẫu phân tích ở trên.

1.2 Các chỉ tiêu và vị trí khảo sát:

- a. Chỉ tiêu về yếu tố vi khí hậu: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt.
- b. Chỉ tiêu về yếu tố vật lý: Ánh sáng, tiếng ồn, độ rung, điện trường, từ trường.
- c. Các chỉ tiêu về yếu tố bụi, hơi khí độc và yếu tố khác: Bụi, CO, CO₂, H₂S, SO₂, Pb, VOC, NH₃, NO₂, HCl, Cl₂, H₂SO₄, O₂.
- d. Các chỉ tiêu về yếu tố tâm sinh lý lao động và Ec-gô-nô-my: đánh giá Ec-gô-nô-my theo phương pháp Owass, đánh giá Ec-gô-nô-my tại vị trí lao động với máy tính.
- e. Số mẫu và vị trí khảo sát:
 - Vị trí và chỉ tiêu khảo sát, đo đạc:

Bảng vị trí và chỉ tiêu khảo sát, đo đạc:

Stt	Vị trí	Chỉ tiêu bụi, hơi khí độc và yếu tố khác											Chỉ tiêu vật lý					Chỉ tiêu vi khí hậu				Fc-gô-nô-my		
		O ₂	CO	CO ₂	CH ₄	H ₂ S	SO ₂	Pb	VOC	NH ₃	NO ₂	HCl	H ₂ SO ₄	Bụi	Tiếng ồn	Độ rung	Ánh sáng	Điện trường	Từ trường	Nhiệt độ	Độ ẩm		Tốc độ gió	Bức xạ nhiệt
1	Tua bin khí (GT11, GT12)	1	2	2			2	2	2	2				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	Owas
2	Tua bin hơi	1	1	1			1	1	1	1				1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	Owas
3	Lò thu hồi nhiệt	1													2	2		2		2	2	2	2	Owas
4	Máy biến áp														2	2		2	2	2	2	2	2	
5	Hệ thống kích từ máy phát														2			2	2	2	2	2	2	
6	Nhà điều khiển trung tâm	1	1	1										1	1		1	1	1	1	1	1	1	Ecgonomy
7	Nhà hành chính	2	2	2										2	2		2	2	2	2	2	2	2	Ecgonomy
8	Nhà kho	1	1	1			1				1			1	1		1	1		1	1	1	1	Owas
9	Xưởng sửa chữa	1	1	1			1		1		1			1	1		1	1		1	1	1	1	Owas
10	Nhà để xe chữa cháy	1	1	1			1	1	1		1			1	1		1	1		1	1	1	1	Owas
11	Cổng chính														1			1		1	1	1		
12	Khu xử lý nước thải		1	1		1	1				1	1		1	1			1					1	Owas
13	Căn tin														1		1	1		1	1	1	1	Owas
14	Khu xử lý nước khử khoáng		1	1		1	1				1	1		1	1		1	1		1	1	1	1	
15	Trạm bơm nước làm mát tuần hoàn		1	1	1	1									1	1		1						Owas

Stt	Vị trí	Chỉ tiêu bụi, hơi khí độc và yếu tố khác											Chỉ tiêu vật lý					Chỉ tiêu vi khí hậu				Ec-gô-nô-my			
		O ₂	CO	CO ₂	Cl ₂	H ₂ S	SO ₂	Pb	VOC	NH ₃	NO ₂	HCl	H ₂ SO ₄	Bụi	Tiếng ồn	Độ rung	Ánh sáng	Điện trường	Từ trường	Nhiệt độ	Độ ẩm		Tốc độ gió	Bức xạ nhiệt	
16	Nhà Clo	1	1	1	1	1	1			1			1	1	1		1	1		1	1	1			
17	Trạm đo dầu	1	1					1					1	1	1			1	1		1	1	1		
18	Trạm bơm chuyển dầu DO	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1		1	1						
19	Sân trạm 220 kV													1	1			1	1				1		
20	Khu xử lý khí	1	1			1				1			1	1	1			1	1						
21	Nhà điều khiển sân trạm 220 kV													1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		Ecconomy
22	Máy phát Diesel													1	1	1		1	1				1		
23	Trạm gas													1	1		1	1	1						
24	Lò hơi phụ													1			1	1		1	1	1	1		
25	Bơm nước làm mát phụ													1			1	1							
26	Nhà khí nén	1	1	1			1	1		1			1	1	1			1	1						
27	Phòng thí nghiệm	1	1	1			1		1	1		1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	Ecconomy
28	Kho hóa chất	1	1	1			1			1			1				1	1		1	1	1			
29	Kho chất thải nguy hại	1	1	1			1	1	1	1			1	1			1	1	1	1	1	1	1		
30	Nhà kho tạm	1	1	1			1	1	1	1			1	1	1		1	1		1	1	1			
31	Nhà trạm quan trắc		1	1			1				1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
Tổng cộng		15	22	22	2	4	17	9	9	5	17	2	1	21	33	11	18	36	15	27	27	27	16		13

- Số mẫu khảo sát, đo đạc: chi tiết như **mục I - Bảng số 1. Phạm vi công việc** của Chương này.

2. Lập báo cáo

- Căn cứ trên các kết quả quan trắc để đưa ra các đánh giá, phân tích, nhận định để tổng hợp viết báo cáo kết quả thực hiện khảo sát đánh giá môi trường lao động (bao gồm viết báo cáo tâm sinh lý lao động & Ec-gô-nô-my và đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp).
- Số lượng báo cáo: 3 quyển.
- Nội dung: Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2025 tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 thực hiện theo mẫu số 4 Phụ lục III tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Phạm vi công việc của gói thầu được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng số 1. Phạm vi công việc

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Khảo sát, đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu			
1	Nhiệt độ	Mẫu	27	
2	Độ ẩm	Mẫu	27	
3	Tốc độ gió	Mẫu	27	
4	Bức xạ nhiệt	Mẫu	16	
5	Ánh sáng	Mẫu	18	
6	Tiếng ồn	Mẫu	33	
7	Độ rung	Mẫu	11	
8	Điện trường	Mẫu	36	
9	Từ trường	Mẫu	15	
10	Bụi	Mẫu	21	
11	CO	Mẫu	22	
12	CO ₂	Mẫu	22	
13	Cl ₂	Mẫu	2	

14	H ₂ S	Mẫu	4	
15	SO ₂	Mẫu	17	
16	Pb	Mẫu	9	
17	VOC	Mẫu	9	
18	NH ₃	Mẫu	5	
19	NO ₂	Mẫu	17	
20	HCl	Mẫu	2	
21	H ₂ SO ₄	Mẫu	1	
22	Yếu tố tâm sinh lý và Ec-gô-nô-my	Mẫu	13	
23	O ₂	Mẫu	15	
II	Lập báo cáo			
1	- Tổng hợp kết quả, lập báo cáo kết quả khảo sát, đo đạc môi trường lao động (Bao gồm cả viết báo cáo tâm sinh lý lao động & Ergonomics) - In 3 quyển báo cáo	Trọn gói	1	

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2025	(I)
Tổng cộng giá chào (M) = (I) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
I	Chi phí khảo sát, đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu				
1	Nhiệt độ	Mẫu	27		
2	Độ ẩm	Mẫu	27		
3	Tốc độ gió	Mẫu	27		
4	Bức xạ nhiệt	Mẫu	16		
5	Ánh sáng	Mẫu	18		
6	Tiếng ồn	Mẫu	33		
7	Độ rung	Mẫu	11		
8	Điện trường	Mẫu	36		
9	Từ trường	Mẫu	15		
10	Bụi	Mẫu	21		
11	CO	Mẫu	22		
12	CO ₂	Mẫu	22		
13	Cl ₂	Mẫu	2		
14	H ₂ S	Mẫu	4		
15	SO ₂	Mẫu	17		
16	Pb	Mẫu	9		
17	VOC	Mẫu	9		
18	NH ₃	Mẫu	5		
19	NO ₂	Mẫu	17		
20	HCl	Mẫu	2		
21	H ₂ SO ₄	Mẫu	1		
22	Yếu tố tâm sinh lý và Ec-gô-nô-my	Mẫu	13		
23	O ₂	Mẫu	15		

II	Chi phí lập báo cáo				
1	- Tổng hợp kết quả, lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động (Bao gồm viết báo cáo tâm sinh lý lao động & Ergonomics) - In 3 quyển báo cáo	Trọn gói	1		
Tổng cộng giá chào chưa bao gồm thuế VAT					
Thuế VAT					
Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế VAT					(I)

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: *[Nhà thầu đề xuất]*
- Địa điểm thực hiện lấy mẫu, đo đạc: *[Nhà thầu đề xuất]*
- Địa điểm thực hiện phân tích mẫu, lập báo cáo: *[Nhà thầu đề xuất]*
- Cam kết huy động đầy đủ các máy móc trang thiết bị, công cụ dụng cụ đã được hiệu chỉnh, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG: *[Có/ Không]*

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (5), (6) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (5) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2023 của Bên A.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

3.1. Cung cấp cho Bên B các tài liệu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Bên B;

3.2. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho Bên B trong quá trình khảo sát thực địa tại khu vực của dự án phục vụ cho công việc của Bên B;

3.3. Phối hợp với Bên B xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

3.4. Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Bên B triển khai các công việc phù hợp với các quy định của Hợp đồng này;

3.5. Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu các báo cáo theo đề nghị của Bên B;

3.6. Cam kết thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định của Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

4.1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Nộp báo cáo cho Bên A theo đúng tiến độ công việc;

4.2. Thực hiện công việc và tuân thủ theo các Điều khoản của Hợp đồng và các quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước Bên A và trước pháp luật về việc đảm bảo các yêu cầu về nội dung, chất lượng và tiến độ theo quy định của Hợp

đồng và theo các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam;

4.3. Cam đoan và đảm bảo có đầy đủ tất cả các nguồn nhân lực, kỹ năng, hiểu biết, tri thức, khả năng, kinh nghiệm, vật tư, thiết bị, dụng cụ, máy móc, phòng thí nghiệm thích hợp cho việc thực hiện công việc và sẽ thu xếp, huy động thích đáng các nguồn lực cần thiết này cho việc thực hiện Hợp đồng theo đúng tiến độ và chất lượng công việc;

4.4. Mua và duy trì các loại bảo hiểm theo quy định, đảm bảo những nhân sự của mình làm việc tuân thủ chặt chẽ pháp luật về an toàn, bảo hộ lao động và các quy định khác về an toàn lao động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm xin phép, các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề liên quan đến việc thực hiện công việc. Bên B phải nỗ lực, có sự quan tâm cho Hợp đồng này đảm bảo rằng Bên B sẽ không để bất cứ công việc nào khác của mình cản trở việc thực hiện công việc;

4.5. Chủ động bố trí sắp xếp nhân sự tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 và các quy định hiện hành nhằm hạn chế nguy cơ lây nhiễm để đảm bảo hoạt động SXKD của Bên A;

4.6. Cung cấp cho Bên A mọi thông tin cần thiết liên quan đến công việc và/hoặc theo yêu cầu của Bên A.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - b) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được các chứng từ thanh toán do bên B cung cấp gồm có:
 - Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
 - Báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2025;
 - Bản gốc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;
 - Bản gốc Biên bản Quyết toán và thanh lý Hợp đồng;
 - Bản gốc hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính.
 - c) Số lần thanh toán: 01 lần với 100% giá trị hợp đồng

Điều 6. Loại Hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Thay đổi yêu cầu công việc theo hợp đồng;
 - b) Bổ sung hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: thư bảo lãnh do ngân hàng/ tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đóng tiền đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.
 - Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng: 3% giá Hợp đồng sau thuế.
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 30 ngày.
2. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.
3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: sau 30 ngày kể ngày hai Bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt Hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:
 - a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
 - b) Bên B bị phá sản, giải thể;
 - c) Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Trường hợp bất khả kháng

1. Quy định về bất khả kháng: Trong trường hợp này, bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của Bên B,

không liên quan đến sai phạm hoặc sơ xuất của Bên B, chẳng hạn như chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, dịch bệnh hay những trường hợp tương tự mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

2. Thủ tục về bất khả kháng: Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các Bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 12. Phạt Hợp đồng

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 12 Hợp đồng này, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu của Hợp đồng thì Bên A có quyền khấu trừ vào giá Hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với 0,05% giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tính cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt chậm tối đa không vượt quá 8% giá trị của Hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 14. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và đến hết thời gian thực hiện Hợp đồng. Sau khi kết thúc thời hạn Hợp đồng hai Bên sẽ cùng thảo luận để gia hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.
3. Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B 01 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thu bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.



